

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	6 – 58
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>6 – 09</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2024</i>	<i>10</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2024</i>	<i>11 – 12</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024</i>	<i>13 – 56</i>
Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	57-58

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 58).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 số 02/2024/NQ-DHĐCĐ-NAG ngày 24/10/2024 đã thông quy phát hành phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Ngày 05 tháng 03 năm 2025, Công ty đã nhận được Công văn số 31/UBCK-QLCB của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước về báo cáo kết quả phát hành phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động, theo đó công ty đã phát hành thêm là 1.582.300 cổ phiếu. Tổng số cổ phần công ty đang lưu hành là 35.760.069 cổ phần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Chủ tịch
Bà Trương Đào Hải Hà	Ủy viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Đoàn Đức Hòa	Ủy viên

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên
Bà Phạm Thị Huệ Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Tổng Giám đốc
Bà Huy Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Bá Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Thị Phượng	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Vĩnh Phúc, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

Số : 0107.01.06/2024/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2025 từ trang 06 đến trang 58, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2023-124-1

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNTK số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.632.242.146.601	1.412.998.560.904
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	71.646.409.892	46.548.089.328
1. Tiền	111		21.646.409.892	16.548.089.328
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		326.625.754.419	198.663.624.959
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	326.625.754.419	198.663.624.959
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		486.437.626.352	419.056.123.819
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	410.181.287.521	384.435.061.207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	32.794.597.855	13.547.258.566
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	35.096.000.000	20.600.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	13.059.730.141	5.151.625.759
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(4.693.989.165)	(4.677.821.713)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	739.136.355.910	737.231.226.953
1. Hàng tồn kho	141		743.349.146.847	740.401.658.350
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.212.790.937)	(3.170.431.397)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.396.000.028	11.499.495.845
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	3.108.368.785	5.424.438.603
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.245.907.999	6.034.350.194
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	41.723.244	40.707.048
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172.841.345.781	177.992.768.469
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.167.151.526	2.281.160.820
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	2.167.151.526	2.281.160.820
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		94.436.662.507	102.807.476.706
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	87.940.523.560	96.442.324.418
<i>Nguyên giá</i>	222		179.098.245.872	177.184.240.888
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(91.157.722.312)	(80.741.916.470)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	6.496.138.947	6.365.152.288
<i>Nguyên giá</i>	228		8.687.008.519	7.987.008.519
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.190.869.572)	(1.621.856.231)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		193.780.000	613.780.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	193.780.000	613.780.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	48.134.609.114	35.904.790.933
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		28.134.609.114	15.904.790.933
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		20.000.000.000	20.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.909.142.634	36.385.560.010
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	4.391.473.182	9.352.031.088
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	3.611.655.954	3.855.294.027
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	19.906.013.498	23.178.234.895
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.805.083.492.382	1.590.991.329.373

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.376.101.070.986	1.189.350.082.750
I. Nợ ngắn hạn	310		1.374.609.613.734	1.187.854.744.156
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	182.004.186.374	136.596.419.806
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	14.778.405.623	37.362.995.977
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	22.949.340.668	18.472.544.763
4. Phải trả người lao động	314		4.284.315.817	4.676.334.939
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	5.188.714.834	3.284.778.959
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	2.902.233.669	2.610.642.825
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	1.137.306.992.519	980.284.289.358
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	3.891.581.609	3.661.552.972
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	1.303.842.621	905.184.557
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.491.457.252	1.495.338.594
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	1.491.457.252	1.495.338.594
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

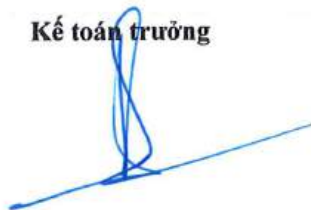
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		428.982.421.396	401.641.246.623
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	428.982.421.396	401.641.246.623
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		341.777.690.000	316.465.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		341.777.690.000	316.465.410.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.348.010.000	5.348.010.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.827.781.376	8.570.273.947
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.265.629.264	52.365.799.875
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.293.009.474	27.910.522.319
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.972.619.790	24.455.277.556
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		19.763.330.756	18.891.772.801
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.805.083.492.382	1.590.991.329.373

Người lập biểu



Trương Bình Dương

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Phụng

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	2.744.023.280.166	2.140.625.746.499
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	20.768.667.379	22.490.122.188
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.723.254.612.787	2.118.135.624.311
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.425.860.285.621	1.809.730.124.663
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		297.394.327.166	308.405.499.648
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	25.038.825.613	15.934.966.929
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	77.496.228.258	81.927.246.233
Trong đó: chi phí lãi vay	23		63.701.223.983	75.384.010.583
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		229.818.181	209.458.282
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	169.619.119.432	177.727.264.997
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	42.436.542.835	48.861.083.290
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.111.080.435	16.034.330.339
12. Thu nhập khác	31	VI.7	4.652.757.619	17.747.935.208
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.393.931.214	1.750.600.479
14. Lợi nhuận khác	40		2.258.826.405	15.997.334.729
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.369.906.840	32.031.665.068
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	8.185.972.364	9.262.265.638
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	239.756.731	(2.380.749.159)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.944.177.745	25.150.148.589
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		26.972.619.790	24.455.277.556
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(28.442.045)	694.871.033
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	773	701
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	773	701

Người lập biểu



Trương Bình Dương

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Phượng

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.369.906.840	32.031.665.068
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		11.848.781.365	10.656.667.519
- Các khoản dự phòng	03		1.288.555.629	(5.484.259.413)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(180.171.314)	406.401.833
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(21.287.000.746)	(17.773.237.016)
- Chi phí lãi vay	06		63.701.223.983	75.384.010.583
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		90.741.295.757	95.221.248.574
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(41.929.951.052)	33.689.726.847
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.947.488.497)	(50.368.360.562)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		32.378.152.811	16.245.549.303
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.276.627.724	(791.945.843)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(64.199.417.841)	(74.924.338.228)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.886.161.629)	(5.837.628.637)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(15.823.269.500)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(104.344.908)	(46.738.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.328.712.365	(2.635.756.046)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.057.967.166)	(31.702.252.763)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		150.000.000	5.664.644.600
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		335.774.194.942	(179.059.915.728)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(478.232.324.402)	132.071.285.808
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.113.001.664	10.090.896.247
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(143.253.094.962)	(62.935.341.836)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.616.068.927.092	2.142.532.485.901	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.459.046.223.931)	(2.030.848.734.849)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(14.302.782.772)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	157.022.703.161	97.380.968.280	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	25.098.320.564	31.809.870.398	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	46.548.089.328	14.738.218.930
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	71.646.409.892	46.548.089.328	

Người lập biểu

Trương Bình Dương

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Phượng

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty công ty cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại

3. **Khái quát về công ty**

Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 23 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi tên Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 số 2500217389 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 23: 341.777.690.000 đồng

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

Điện thoại : 0211 3873568

Fax : 0211 3873569

E-mail : Info@nagakawa.com.vn

Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

4. **Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện./.

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

6. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính công ty có 228 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 253 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các Công ty con được hợp nhất ():*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, lắp đặt hệ thống điều hòa cho các công trình	80%	80%
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	94 Nam Trân, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	52%	52%
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	25 Đoàn Thị Điểm, Phường 01, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa	Tầng 3, Tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51 %
Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên	Thôn Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	96,92%	96,92%
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Nagakawa	Số nhà 56, ngõ 92, đường Cầu Brou, Tổ dân phố 15, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng, cung cấp các dịch vụ số.	55%	55%

(*) Các Công ty con của công ty đều đang hoạt động bình thường

Các Công ty liên doanh liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Gia công may mặc (Hoạt động bình thường)	48%	48%

Các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội	Tầng 3, Tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ gia dụng (Hoạt động bình thường)

8. **Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất:** Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính. năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là 25,355 VND/USD.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là 25,715 VND/USD.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là công ty được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có. Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản dùng cho hoạt động sản xuất và các chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa từ 0.5% - 1% trên bằng trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên bằng trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 05 tháng 04 năm 2023. Theo đó, Cổ tức lợi nhuận trả cho Cổ đông là 15.823.269.500 VND bằng tiền.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp.
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

b) Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

c) Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	8.303.763.064	7.690.097.330
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.342.646.828	8.857.991.998
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	71.646.409.892	46.548.089.328

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	326.625.754.419	326.625.754.419	198.663.624.959	198.663.624.959
Cộng	326.625.754.419	326.625.754.419	198.663.624.959	198.663.624.959

+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội: 34.735.000.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An: 94.420.546.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long - PGD Lê Trọng Tấn: 37.800.000.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đồng Đa: 33.512.115.745 VND.

+ Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Hoàng Mai: 6.158.092.674 VND.

+ Ngân hàng Đại chúng TNHH KASIKORNBANK – CN TP. Hồ Chí Minh: 70.000.000.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam: 50.000.000.000 VND.

Các khoản tiền gửi này đang được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng trên. (Xem thuyết minh V.20)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		28.134.609.114		15.904.790.933
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam (*)	48 %	28.134.609.114	48 %	15.904.790.933
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000.000.000		20.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (**)		20.000.000.000		20.000.000.000
Cộng		48.134.609.114		35.904.790.933

(*) Theo nghị quyết hội đồng quản trị số 08/HĐQT/NQ-NAG ngày 02/08/2024, công ty đã thực hiện góp thêm 12.000.000.000 VND, nâng tổng vốn điều lệ Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam là 24.000.000.000 VND, chiếm 48% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Giá gốc khoản đầu tư	24.000.000.000	12.000.000.000
Tỷ lệ sở hữu	48%	48%
Tăng/giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	4.134.609.114	3.904.790.933
Giá trị khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính	28.134.609.114	15.904.790.933

(**) Là khoản mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu số CTG2232T2/01-1269, ngày phát hành là 20/7/2023 đến ngày 20/07/2033. Số lượng trái phiếu là 200.000 với giá trị là 20.000.000.000 VND Số trái phiếu này đang được cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Thành An.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	145.361.586.949
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	-	145.361.586.949
Phải thu các khách hàng khác (*)	410.181.287.521	239.073.474.258
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	130.040.453.329	-
Công ty cổ phần Điện lạnh Ngọc Nguyên Châu	10.244.048.468	7.756.311.327
Công ty TNHH cơ điện lạnh HC Toàn Cầu	35.686.610.505	33.993.090.096
Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn Kỹ thuật - Cao	63.392.486.650	77.440.000
Các khách hàng khác	170.817.688.569	197.246.632.835
Cộng	410.181.287.521	384.435.061.207

(*) Trong đó các khoản phải thu khách hàng được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác (*)</i>	<i>32.794.597.855</i>	<i>13.547.258.566</i>
Penseur Industries Sdn Bhd (587108-T)	6.404.962.305	-
Unico Consumer Products Co., Ltd	12.896.043.546	-
Công ty TNHH Cơ điện lạnh HC Toàn Cầu	6.528.221.900	7.589.479.100
Các nhà cung cấp khác	6.965.370.104	5.957.779.466
Cộng	32.794.597.855	13.547.258.566

(*) Trong đó các khoản trả trước được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>22.996.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần May KIW Việt Nam	22.996.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>12.100.000.000</i>	<i>20.600.000.000</i>
Bà Bùi Lệ Hằng	-	8.500.000.000
Ông Bùi Văn Tú	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản cho vay khác	7.100.000.000	7.100.000.000
Cộng	35.096.000.000	20.600.000.000

6. Các khoản phải thu khác**a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>643.546.302</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần May KIW Việt Nam	643.546.302	-	-	-
- Lãi cho vay	643.546.302	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>12.416.183.839</i>	<i>-</i>	<i>5.151.625.759</i>	<i>-</i>
Tạm ứng	117.147.504	-	341.625.930	-
Ký cược, ký quỹ	828.271.335	-	114.377.642	-
Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm ngân hàng, cho vay	10.857.688.200	-	4.693.417.237	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	613.076.800	-	2.204.950	-
Cộng	13.059.730.141	-	5.151.625.759	-

b) Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Ký cược, ký quỹ	2.167.151.526	-	2.281.160.820	-
Cộng	2.167.151.526	-	2.281.160.820	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(4.677.821.713)	-	(4.677.821.713)
Trích lập dự phòng bổ sung	(154.633.940)	-	(154.633.940)
Hoàn nhập dự phòng	138.466.488	-	138.466.488
Số cuối năm	(4.693.989.165)	-	(4.693.989.165)

Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng (*)	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	34.132.326.855	-	25.137.921.055	-
Nguyên liệu, vật liệu	206.675.422.758	-	180.928.998.033	-
Công cụ, dụng cụ	533.938.080	-	413.884.400	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.327.596.059	-	3.120.673.425	-
Thành phẩm	3.197.141.782	-	3.188.731.782	-
Hàng hóa	477.507.140.247	(4.212.790.937)	511.569.456.958	(3.170.431.397)
Hàng gửi đi bán	18.975.581.066	-	16.041.992.697	-
Cộng	743.349.146.847	(4.212.790.937)	740.401.658.350	(3.170.431.397)

(*) Hàng tồn kho trích lập dự phòng trong năm là những mặt hàng ứ đọng lâu ngày, mẫu mã cũ không phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và khó có khả năng tiêu thụ, Công ty tiếp tục thực hiện thanh lý, chia tách các bộ phận còn có thể sử dụng của những mặt hàng này và trích lập dự phòng bổ sung để phản ánh chính xác giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.170.431.397)	(7.865.870.939)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.249.588.214)	(301.905.344)
Hoàn nhập dự phòng	207.228.674	4.997.344.886
Số cuối năm	(4.212.790.937)	(3.170.431.397)

9. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí CCDC xuất dùng	37.961.009	538.426.341
Chứng nhận sản phẩm hợp quy	36.728.494	68.928.566
Chi phí bảo hiểm tài sản	66.075.823	130.344.474
Biển hiệu quảng cáo, kệ và vách trưng bày sản phẩm	2.259.593.333	3.208.237.296
Chi phí bảo trì phần mềm	152.536.429	282.818.631
Chi phí thử nghiệm điện - điện tử	324.029.980	329.433.068
Chi phí quảng cáo	-	87.512.756
Chi phí trả trước khác	231.443.717	778.737.471
Cộng	3.108.368.785	5.424.438.603

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	528.707.972	1.656.738.598
Chi phí trả trước tiền thuê đất	713.065.783	734.673.835
Chi phí làm biển quảng cáo	2.917.847.898	6.706.970.627
Chi phí cải tạo sửa chữa	19.215.000	104.901.171
Chi phí mua phần mềm	65.888.649	43.776.369
Chi phí trả trước khác	146.747.880	104.970.488
Cộng	4.391.473.182	9.352.031.088

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thảng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	108.766.281.270	35.995.505.597	22.522.185.333	9.027.813.725	872.454.963	177.184.240.888
Mua trong năm	-	697.127.200	2.080.839.966	-	-	2.777.967.166
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(863.962.182)	-	-	(863.962.182)
Số cuối năm	108.766.281.270	36.692.632.797	23.739.063.117	9.027.813.725	872.454.963	179.098.245.872
Trong đó						
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	8.382.256.282	28.752.666.444	7.813.457.290	456.123.780	803.353.985	46.207.857.781
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	33.708.846.683	29.241.713.203	15.980.417.841	1.044.050.380	766.888.363	80.741.916.470
Khấu hao trong năm	7.012.355.092	857.257.543	2.441.115.623	901.774.416	67.265.350	11.279.768.024
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(863.962.182)	-	-	(863.962.182)
Số cuối năm	40.721.201.775	30.098.970.746	17.557.571.282	1.945.824.796	834.153.713	91.157.722.312

Giá trị còn lại

Số đầu năm	75.057.434.587	6.753.792.394	6.541.767.492	7.983.763.345	105.566.600	96.442.324.418
Số cuối năm	68.045.079.495	6.593.662.051	6.181.491.835	7.081.988.929	38.301.250	87.940.523.560

+ Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 70.292.398.839 VND và 14.114.771.713 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội bao gồm toàn bộ nhà xưởng phục vụ sản xuất điều hòa.

+ Tài sản cố định là xe Mercedes, BKS 30F-840.98 và xe ô tô Mercedes- Benz BKS 30F-798.91 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.305.978.182 VND và 272.437.068 VND và Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.799.952.727 VND và 951.690.681 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

+ Tòa nhà văn phòng làm việc có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.506.097.039 VND và 2.352.006.737 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Á Châu- chi nhánh Đà Nẵng để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty cổ phần Nagakawa Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.614.795.919	3.372.212.600	7.987.008.519
Tăng do mua sắm	-	700.000.000	700.000.000
Số cuối năm	4.614.795.919	4.072.212.600	8.687.008.519
<i>Trong đó</i>			
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.353.212.600	1.353.212.600
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.621.856.231	1.621.856.231
Khấu hao trong năm	-	569.013.341	569.013.341
Số cuối năm	-	2.190.869.572	2.190.869.572
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.614.795.919	1.750.356.369	6.365.152.288
Số cuối năm	4.614.795.919	1.881.343.028	6.496.138.947

Tài sản là quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 4.614.795.919 VND và 4.614.795.919 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Á Châu- chi nhánh Đà Nẵng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	573.780.000	280.000.000	(700.000.000)	153.780.000
Chi phí làm phim quảng cáo, nhận diện thương hiệu	153.780.000	-	-	153.780.000
Phần mềm quản lý bảo hành	420.000.000	280.000.000	(700.000.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	40.000.000	-	-	40.000.000
Xây dựng biện pháp phòng chống hỏa chất	40.000.000	-	-	40.000.000
Cộng	613.780.000	280.000.000	(700.000.000)	193.780.000

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm liên quan đến lãi nội bộ tập đoàn trong hàng tồn kho và bán tài sản cố định hữu hình chưa thực hiện, chi tiết:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.855.294.027	2.160.381.472
Phát sinh trong năm	3.596.389.598	3.841.851.612
Hoàn nhập trong năm	(3.840.027.671)	(2.146.939.057)
Số cuối năm	3.611.655.954	3.855.294.027

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	23.178.234.895	26.450.456.292
Lợi thế thương mại phát sinh trong năm	-	-
Phân bổ lợi thế thương mại vào chi phí	(3.272.221.397)	(3.272.221.397)
Cộng	19.906.013.498	23.178.234.895

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	182.004.186.374	136.596.419.806
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại thiết bị điện tử Minh Long	31.120.543.889	15.811.127.688
Công ty TNHH Kinh doanh và phát triển kỹ thuật Hà Nội	2.796.035.977	11.161.521.847
Công ty TNHH thương mại và tư vấn kỹ thuật - Cao	3.967.523.254	19.133.390.885
CJ Century Technology SDN.BHD	28.470.745.985	6.208.657.674
TCL Air Conditioner (Zhongshan) Co., LTD.	5.027.619.168	2.673.819.405
Công ty Cổ phần phân phối sản phẩm công nghệ cao Dầu Khí	44.094.105.001	-
Các nhà cung cấp khác	66.527.613.100	81.607.902.307
Cộng	182.004.186.374	136.596.419.806

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	3.471.566.449	1.038.468.411
Công ty Cổ phần May KLW Việt Nam	3.471.566.449	1.038.468.411
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	11.306.839.174	36.324.527.566
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long tại Hải Phòng	-	17.820.546.000
Công ty cổ phần xây dựng kỹ thuật SH Việt Nam	2.315.855.100	2.232.255.100
Công ty TNHH một thành viên đầu tư Hùng Sơn	2.512.248.637	-
Công ty TNHH thương mại dịch vụ và xây dựng Toàn Thắng	1.446.913.000	1.485.793.000
Công ty TNHH Thương Mại và Tư vấn Kỹ thuật - Cao	-	4.547.941.194
Công ty TNHH sản xuất và thương mại thiết bị điện tử Minh Long	-	1.954.320.771
Các khách hàng khác	5.031.822.437	8.283.671.501
Cộng	14.778.405.623	37.362.995.977

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thảng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.452.150.622	-	20.714.867.176	(12.822.293.587)	13.344.078.758	645.453
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	113.315.976.717	(113.315.976.717)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.580.874.452	-	103.876.525.501	(104.799.038.828)	1.658.361.125	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.344.099	33.280.204.652	(33.278.860.553)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.955.489.656	39.362.949	8.185.972.364	(9.886.161.629)	7.255.300.391	39.362.949
Thuế thu nhập cá nhân	1.052.970.479	-	1.613.087.340	(2.341.514.922)	324.542.897	-
Tiền thuế đất	-	-	433.597.625	(435.312.467)	-	1.714.842
Các loại thuế khác	431.059.554	-	166.950.819	(230.952.876)	367.057.497	-
Cộng	18.472.544.763	40.707.048	281.587.182.194	(277.110.111.579)	22.949.340.668	41.723.244

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa 10%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ 8%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	2.412.592.042	3.040.185.790
Trích trước chi phí chiết khấu hàng bán, chương trình khuyến mãi	2.598.732.194	225.219.010
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	177.390.598	19.374.159
Cộng	5.188.714.834	3.284.778.959

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	129.782.821	382.931
Công ty Cổ phần May K LW Việt Nam - Phải trả về lãi vay	129.782.821	382.931
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	2.772.450.848	2.610.259.894
Kinh phí công đoàn	787.155.182	641.827.260
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.875.577.268	1.875.577.268
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	109.718.398	92.855.366
Cộng	2.902.233.669	2.610.642.825

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	6.002.000.000	6.002.000.000
Công ty Cổ phần May K LW Việt Nam	-	-	6.002.000.000	6.002.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.137.306.992.519	1.137.306.992.519	974.282.289.358	974.282.289.358
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (1)	385.276.762.665	385.276.762.665	387.313.009.352	387.313.009.352
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (2)	79.963.217.714	79.963.217.714	79.739.506.428	79.739.506.428
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (3)	306.424.549.728	306.424.549.728	382.088.494.422	382.088.494.422
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	-	-	17.656.192.000	17.656.192.000
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	-	33.745.501.839	33.745.501.839
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh (4)	187.337.034.666	187.337.034.666	-	-
Ngân Hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đồng Đa (5)	76.988.376.825	76.988.376.825	49.869.597.933	49.869.597.933
Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam (6)	99.917.050.921	99.917.050.921	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội	-	-	14.290.287.384	14.290.287.384
Vay ngắn hạn các cá nhân				
Bà Bùi Lệ Hằng	1.400.000.000	1.400.000.000	2.579.700.000	2.579.700.000
Cộng	1.137.306.992.519	1.137.306.992.519	980.284.289.358	980.284.289.358

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0103/2024-HĐCVHM/NHCT320-NAG ngày 08 tháng 03 năm 2024 với tổng mức cấp dư nợ vay và số dư bảo lãnh, L/C đã phát hành tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10111071095, Hồ sơ gốc số 6586 2003 2640. 203. QĐUB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 14/05/2002 cho bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo HĐCC số 02/2019/HĐBD/NHCT320-NAG ngày 03/12/2019.

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt Quận Thanh Xuân, Hà Nội (nay là số 86 ngõ 274 phố Nguyễn Lân, phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10111071019, Hồ sơ gốc số 3015-2003-QĐUB/8623.2003 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 2/6/2003 cho ông Lưu Văn Thát và Bà La Thị Nga. Ngày 21/11/2012, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội xác nhận chuyển nhượng cho bà Đào Thị Soi theo hợp đồng chuyển nhượng số 10121293/ HHĐCN ngày 29/10/2012 tại Phòng công chứng Mỹ Đình, TP Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/HĐBD/NHCT320-NAG ngày 02/11/2020.

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 16 tại địa chỉ Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD537451 số GCN: 01674-2144 QĐ-UB do Ủy ban nhân dân Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội cấp ngày 21/12/2005 cho ông Đỗ Quách Cương. Ngày 17/4/2015 văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Hoàng Mai xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức Khả và bà Đào Thị Soi theo hồ sơ số 1181 ngày 14/4/2015 theo hợp đồng thế chấp số 02/2020/HĐBD/NHCT320-NAG ngày 02/11/2020.

+ Trái phiếu ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành, mã trái phiếu: CTG2232T2/01 với tổng giá trị Trái phiếu 20.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố trái phiếu số: 2007/2023/HĐBD/NHCT320-TP-NAGAKAWA lập ngày 20 tháng 07 năm 2023.

+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02/2021/HĐBD/NHCT/320-NAG ngày 25 tháng 02 năm 2021.

+ Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam theo hợp đồng thế chấp động sản số 2804/2021/HĐBD/NHCT320-MAYMOCKLV ngày 28 tháng 04 năm 2021.

+ Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66, thuộc chủ sở hữu Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0309/2020/HĐBD/NHCT320-NAGAKAWA ký ngày 19 tháng 10 năm 2020.

+ Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa có giá trị 60.000.000.000 VND theo biên bản định giá tài sản bảo đảm ngày 30/01/2018 và hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2018/HĐTC/NHCT320-NAG-HTK ký ngày 06/02/2018. Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2020/HĐBD/NHCT320-NAG-HTK ngày 21/01/2020, các bên thống nhất định giá giá trị của tài sản thế chấp là 101.508.541.889 VND.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DE 216785, sổ vào sổ cấp GCN: CS 31027 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 11/06/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2022/HĐBĐ/NHCT320-CANHORI ký ngày 6/7/2022. Giá trị tài sản thế chấp là 8.815.000.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 5, ngách 105 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở và quyền sử dụng đất số 3835/2009/QĐ-08 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 10/11/2009; chủ sở hữu: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tổng giá trị 94.420.546.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 198467.24.051.879737.TD ngày 01 tháng 04 năm 2024 với giá trị hạn mức tín dụng là 150 tỷ; hạn mức cho vay 100 tỷ, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán 50 tỷ, hạn mức phát hành L/C: 50 tỷ. Giới hạn giá trị cấp tín dụng đối với: Tổng giới hạn các hạn mức là 100 tỷ; hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán đối với lĩnh vực nhập linh kiện/thiết bị phục vụ việc lắp ráp tối đa 30 tỷ. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 15 tháng 03 năm 2025 kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh các mặt hàng điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị bếp của khách hàng. Lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 272273 do UBND Quận Hoàng Mai cấp ngày 18/09/2007 cho bà Đào Thị Soi.

+ Quyền đòi nợ hình thành từ các Đề nghị thanh toán, Biên bản xác nhận đối chiếu công nợ; Hóa đơn GTGT cụ thể theo Hợp đồng thế chấp số 126540.23.051.879737.BD ngày 07/04/2023.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long- PGD Lê Trọng Tấn với tổng giá trị 37.800.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(3) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2024/367653/HĐTD ngày 15 tháng 09 năm 2024, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 đồng, hạn mức đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn theo hợp đồng 01/2023/367653/HĐTD ngày 22 tháng 09 năm 2023, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Bất động sản số HD03-16, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT274326, sổ vào sổ cấp GCN: CT-DA 00886 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2019, thuộc sở của Công ty TNHH Phát triển Kinh tế quốc tế Anh Vũ là Cổ đông góp vốn (theo hợp đồng thế chấp số 02/2019//367653/HĐBĐ ngày 18/09/2019).

+ Toàn bộ nhà xưởng trên đất tại thửa đất số 340, tờ bản đồ số 26, phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của Công ty theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2019/367653/HĐBĐ ngày 18/11/2019.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 5, ngách 105 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở và quyền sử dụng đất số 3835/2009/QĐ-08 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 10/11/2009; chủ sở hữu: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/367653/HĐBĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

+ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả theo Hợp đồng cầm cố số 02/2020/367653/HĐBĐ ngày 30/06/2020.

+ Thế chấp toàn bộ nhà xưởng tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 10, Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2021/367653/HĐBĐ ngày 26/05/2021.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với tổng giá trị 28.500.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(4) Là khoản vay Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank- Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 143/2023/FA.01 ngày 27 tháng 12 năm 2023 với giới hạn cấp tín dụng không vượt quá 200.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 03 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh điều hòa, linh kiện điều hòa, thiết bị nhà bếp, thiết bị gia dụng. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh Hồ Chí Minh với tổng giá trị 70.000.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa theo hợp đồng số 7256129.24 ngày 07 tháng 03 năm 2024 với giới hạn cấp tín dụng không vượt quá 80.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh điều hòa, linh kiện điều hòa, thiết bị nhà bếp, thiết bị gia dụng. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Thế chấp các khoản phải thu đã hình thành từ Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Kinh tế Quốc tế Anh Vũ giá trị 46.000.000.000 đồng.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đồng Đa với tổng giá trị 32.512.115.745 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo hợp đồng số 1703LAV240112981 ngày 10 tháng 10 năm 2024 với tổng hạn mức tín dụng 200.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng đến hết ngày 09 tháng 10 năm 2025 kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 06 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn ngắn hạn để kinh doanh sản xuất đồ điện dân dụng, sản xuất điều hòa không khí và các sản phẩm khác. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam với tổng giá trị 50.000.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	971.702.589.358	2.608.069.665.549	(2.443.954.523.931)	1.035.989.941.598
Vay ngắn hạn bên liên quan	6.002.000.000	5.000.000.000	(11.002.000.000)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	2.579.700.000	2.910.000.000	(4.089.700.000)	1.400.000.000
Cộng	980.284.289.358	2.616.068.927.092	(2.459.046.223.931)	1.137.306.992.519

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập trong năm</u>	<u>Số sử dụng trong năm</u>	<u>Số hoàn nhập trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	3.661.552.972	7.998.119.357	(1.907.753.974)	(5.860.336.746)	3.891.581.609
Cộng	3.661.552.972	7.998.119.357	(1.907.753.974)	(5.860.336.746)	3.891.581.609

22. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	666.514.771	251.501.486	-	918.016.257
Quỹ phúc lợi	238.669.786	251.501.486	(104.344.908)	385.826.364
Cộng	905.184.557	503.002.972	(104.344.908)	1.303.842.621

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải phát sinh trong năm liên quan đến các khoản dự phòng/hoàn nhập tổn thất đầu tư, chi tiết:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.495.338.594	2.181.175.198
Phát sinh trong năm	-	(685.836.604)
Hoàn nhập trong năm	(3.881.342)	-
Số cuối năm	1.491.457.252	1.495.338.594

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thảng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	316.465.410.000	5.348.010.000	(20.000)	7.113.479.352	45.741.564.871	19.119.327.544	393.787.771.767
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(15.823.269.500)	(902.588.662)	(16.725.858.162)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	24.455.277.556	694.871.033	25.150.148.589
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.456.794.595	(2.007.773.052)	(19.837.114)	(570.815.571)
Số dư cuối năm trước	316.465.410.000	5.348.010.000	(20.000)	8.570.273.947	52.365.799.875	18.891.772.801	401.641.246.623
Số dư đầu năm nay	316.465.410.000	5.348.010.000	(20.000)	8.570.273.947	52.365.799.875	18.891.772.801	401.641.246.623
Tăng vốn ở công ty con	-	-	-	-	-	900.000.000	900.000.000
Tăng vốn từ lợi nhuận	25.312.280.000	-	-	-	(25.312.280.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	26.972.619.790	(28.442.045)	26.944.177.745
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.257.507.429	(1.760.510.401)	-	(503.002.972)
Số dư cuối năm	341.777.690.000	5.348.010.000	(20.000)	9.827.781.376	52.265.629.264	19.763.330.756	428.982.421.396

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Phân phối lợi nhuận**

Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 26 tháng 04 năm 2024 như sau:

	VND
• Chia cổ tức bằng cổ phiếu 5% vốn điều lệ	: 25.317.232.800
• Quỹ đầu tư phát triển 5% LNST	: 1.257.507.429
• Quỹ khen thưởng phúc lợi 2% LNST	: 503.002.972

c) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ nắm giữ	Giá trị	Tỷ lệ nắm giữ
Ông Nguyễn Đức Khả	128.993.610.000	37,74%	119.438.540.000	37,74%
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	-	0,00%	32.167.960.000	10,16%
Cổ phiếu quỹ	20.000	0,00%	20.000	0,00%
Các cổ đông khác	212.784.060.000	62,26%	164.858.890.000	52,09%
Cộng	341.777.690.000	100%	316.465.410.000	100%

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.177.769	31.646.541
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	34.177.769	31.646.541
- Cổ phiếu phổ thông	34.177.769	31.646.541
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
- Cổ phiếu phổ thông	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.177.767	31.646.539
- Cổ phiếu phổ thông	34.177.767	31.646.539

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

**25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất
a, Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	390,24	390,24

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b, Nợ khó đòi đã xử lý			
Đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Tòa soạn báo Tiền Phong	47.723.000	47.723.000	Không có khả năng thu hồi
Công ty Thuận An	525.607.000	525.607.000	Không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	283.250.000	283.250.000	Không có khả năng thu hồi
Cửa hàng Nhật Anh	125.087.382	125.087.382	Không có khả năng thu hồi
Công ty Zhe Jiang Phidas Electric Appliance Manu	104.612.027	104.612.027	Không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Tràn An	30.000.000	30.000.000	Không có khả năng thu hồi
Cộng	1.116.279.409	1.116.279.409	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a, Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.744.023.280.166	2.140.625.746.499
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	2.734.208.597.769	2.124.672.290.001
Doanh thu hợp đồng lắp đặt điều hòa	-	8.020.804.467
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.814.682.397	7.932.652.031
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(20.768.667.379)	(22.490.122.188)
Chiết khấu thương mại	(12.145.018.915)	(9.863.358.017)
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	(8.623.648.464)	(12.626.764.171)
Doanh thu thuần	2.723.254.612.787	2.118.135.624.311
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	2.713.439.930.390	2.102.182.167.813
Doanh thu hợp đồng lắp đặt điều hòa	-	8.020.804.467
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	9.814.682.397	7.932.652.031

b, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	173.128.680.590	678.556.549.834
Công ty Cổ phần may K LW Việt Nam	9.354.869.012	7.929.279.998
Cộng	182.483.549.602	686.485.829.832

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	2.418.792.770.766	1.804.490.164.925
Giá vốn hợp đồng lắp đặt điều hòa	-	4.107.266.241
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.165.369.707	5.301.994.629
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng bảo hành công trình	-	(1.600.866)
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	902.145.148	(4.167.700.266)
Cộng	<u>2.425.860.285.621</u>	<u>1.809.730.124.663</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	20.920.818.929	12.414.101.825
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.937.835.370	2.099.599.013
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	180.171.314	-
Lãi tiền chậm thanh toán	-	1.421.166.091
Cộng	<u>25.038.825.613</u>	<u>15.934.966.929</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	63.701.223.983	75.384.010.583
Chiết khấu thanh toán cho người mua	10.376.408.648	3.098.969.331
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.418.595.627	3.034.414.486
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	406.401.833
Chi phí tài chính khác	-	3.450.000
Cộng	<u>77.496.228.258</u>	<u>81.927.246.233</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	31.563.501.680	33.448.271.162
Chi phí vật liệu, bao bì	101.492.000	62.033.771
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	982.629.909	1.172.473.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.260.720.486	3.431.867.771
Chi phí chi trả các trạm bảo hành	7.567.407.092	1.999.226.754
Trích lập dự phòng bảo hành	7.998.119.357	5.421.991.499
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	(5.860.336.746)	(1.335.022.233)
Chi phí quảng cáo, hội nghị khách hàng	34.515.950.372	51.556.761.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.597.287.037	70.154.809.825
Các chi phí khác	11.892.348.245	11.814.851.197
Cộng	<u>169.619.119.432</u>	<u>177.727.264.997</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	23.380.974.344	27.183.990.884
Chi phí vật liệu quản lý	207.467.158	236.869.889
Chi phí đồ dùng văn phòng	578.931.821	870.123.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.207.684.400	2.251.517.634
Thuế, phí và lệ phí	26.713.544	49.933.333
Lợi thế thương mại	3.272.221.397	3.272.221.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.593.789.368	7.241.291.540
Dự phòng/hoàn nhập phải thu khó đòi	4.167.512	(597.721)
Các chi phí khác	5.164.593.291	7.755.732.440
Cộng	42.436.542.835	48.861.083.290

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	136.363.636	5.149.676.909
NCC hỗ trợ phát triển thị trường	715.509.431	5.001.236.966
Tài trợ của World Bank	-	7.322.492.371
Xử lý công nợ	1.746.000	-
Nợ phải trả được xóa	3.549.355.695	-
Thu nhập khác	249.782.857	274.528.962
Cộng	4.652.757.619	17.747.935.208

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí không hợp lệ khi tính thuế	183.758.916	196.980.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.917.320.938	610.219.572
Chi phí khác	292.851.360	943.400.907
Cộng	2.393.931.214	1.750.600.479

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.369.906.840	32.031.665.068
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.486.985.340	16.730.042.145
Xe ô tô nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	6.903.415.660	16.730.042.145
Chi phí không được loại trừ khác	384.321.816	384.321.816
Lỗ do công ty con quyết toán riêng	206.350.274	461.902.171
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	757.494.318	-
Các khoản phạt truy thu thuế	310.000.000	310.000.000
Chi phí lãi vay loại trừ khi tính thuế	1.922.230.211	607.309.253
Lợi thế thương mại	50.797.644	-
Lỗ phát sinh trong quá trình hợp nhất	3.272.221.397	3.272.221.397
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	11.694.287.508
Lãi phát sinh trong quá trình hợp nhất	(1.416.430.320)	-
Thu nhập chịu thuế	(1.416.430.320)	-
Lỗ các năm trước được chuyển	40.856.892.180	48.761.707.213
Thu nhập tính thuế	40.290.295.744	45.375.324.745
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.058.059.148	9.075.064.949
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	127.913.216	187.200.689
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.185.972.364	9.262.265.638

10. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(3.596.389.598)	(3.841.851.612)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.840.027.671	2.146.939.057
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(3.881.342)	(685.836.604)
Cộng	239.756.731	(2.380.749.159)

11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.972.619.790	24.455.277.556
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(539.452.396)	(489.105.551)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(539.452.396)	(489.105.551)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	26.433.167.394	23.966.172.005
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	34.177.767	34.177.767
	773	701

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm nay được ước tính theo 2% lợi nhuận sau thuế.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	31.646.539	31.646.539
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm từ lợi nhuận	2.531.228	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	34.177.767	31.646.539

12. Chi phí theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ đồ dùng	1.000.597.793	9.248.067.869
Chi phí nhân công	66.196.485.597	58.726.235.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.848.781.365	10.656.667.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.918.544.139	133.400.790.230
Chi phí trạm bảo hành	15.932.180.326	4.406.486.789
Lợi thuế thương mại	3.272.221.397	3.272.221.397
Chi phí dự phòng	4.167.512	(1.616.281)
Chi phí bằng tiền khác	21.412.006.947	15.222.373.485
Cộng	269.584.985.076	234.931.226.749

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi tiết kiệm nhập gốc	-	1.551.427.787
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	25.312.280.000	-
Bù trừ công nợ cho vay với phải trả nhà cung cấp	-	12.908.310.002

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong năm công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng		
Ông Nguyễn Ngọc Quý	315.710.082	326.207.440
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	712.618.950	852.282.295
Bà Huy Thị Dung	538.846.175	565.723.880
Ông Trần Bá Đạt	521.378.568	620.801.039
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	580.605.007	622.184.906
Bà Trịnh Thị Phương	436.214.556	460.152.000
Bà Trương Đào Hải Hà	95.948.300	95.948.300
Ông Phạm Anh Tuấn	95.948.300	95.948.300
Ông Đoàn Đức Hòa	95.948.300	95.948.300
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	38.600.000	38.600.000
Bà Phạm Thị Huệ Anh	38.600.000	38.600.000
Bà Vũ Thị Hải Yến	38.600.000	38.600.000
Cộng	3.509.018.238	3.850.996.460

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ (*)	Cổ đông lớn.
Công ty Cổ phần may K LW	Công ty liên kết
(*) Từ thời điểm ngày 04/04/2024 Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ đã thoái hết vốn tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakwa và không còn là bên liên quan.	

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ		
Phải thu tiền bán hàng	190.441.548.649	744.621.713.919
Phải thu tiền lãi chậm thanh toán	-	1.421.166.091
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	220.272.000.000	771.360.979.930
Bù trừ công nợ	-	8.684.340.370
Công ty Cổ phần may K LW		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	14.048.000
Phải thu tiền cho thuê kho	10.286.301.962	8.708.159.999
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	259.200.000	-
Hàng bán trả lại	-	7.960.000
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.460.200.000	10.485.703.904
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	259.200.000	-
Phải thu cho vay ngắn hạn	46.296.000.000	-
Thu tiền cho vay ngắn hạn	23.300.000.000	-
Lãi vay phải thu	643.546.302	-
Phải trả về tiền vay ngắn hạn	5.000.000.000	25.700.000.000
Trả tiền vay ngắn hạn	11.002.000.000	37.469.000.000
Phải trả tiền lãi vay	129.399.890	635.731.397
Trả tiền lãi vay	-	1.525.985.929

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.5; V.6; V.16; V.19; V.20.

Cam kết bảo lãnh

Ngoài ra, các bên liên quan khác của công ty đang dùng tài sản để thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng như sau: (Xem chi tiết tại thuyết minh V.20)

Tài sản	Giá trị hợp lý	Đối tượng sở hữu
Giấy chứng nhận QSDĐ số V930401, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 01510/QSDĐ/449B/2003/QĐ-UB do UBND huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26/06/2003. HĐTC TS số 50/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HUNGYEN ngày 18/06/2018	2.313.000.000	Bà Nguyễn Thị Huyền Thương
Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10111071095, Hồ sơ gốc số 6586 2003 2640. 203. QĐUB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 14/05/2002 cho bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo HĐCC số 02/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 03/12/2019	6.203.773.000	Bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả
Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10111071019, hồ sơ gốc số 3015-2003-QĐUB/8623.2003 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 02/06/2003, CSH: bà Đào Thị Soi. địa chỉ: 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (nay là: Số 86 ngõ 274 phố Nguyễn Lân, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 02/11/2020	7.255.000.000	Bà Đào Thị Soi
Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất số AD537451, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 01674-2144/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai cấp ngày 21/12/2005, CSH: Ông Nguyễn Đức Khả và Bà Đào Thị Soi, địa chỉ: Thửa đất số 99, tờ bản đồ số 16, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (388 Kim Giang) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 02/11/2020	11.700.000.000	Bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả
Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất số DE	8.815.000.000	Ông Nguyễn Mạnh Cường và

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản	Giá trị hợp lý	Đối tượng sở hữu
216785, sổ vào sổ cấp GCN: CS 31027 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/06/2022 mang tên Ông Nguyễn Mạnh Cường và Bà Nguyễn Thị Huyền Thương, Căn hộ chung cư số 329, Nhà R1-72A Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội		Bà Nguyễn Thị Huyền Thương
Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất số CV459142, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS28044 do Sở TN và MT TP Hà Nội cấp ngày 13/07/2020 CSH: Trịnh Thị Phụng, Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 7, Khu Trung cư và thương mại dịch vụ hồ hợp Capitaland- Hoàng Thành CT08 khu Cổ Ngựa- Khu đô thị mới Mỗ Lao, Quận Hà Đông,	4.173.000.000	Bà Trịnh Thị Phụng
Bất động sản số HD03-16, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT274326, sổ vào sổ cấp GCN: CT-DA 00886 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2019, thuộc sở của Công ty TNHH Phát triển Kinh tế quốc tế Anh Vũ là Cổ đông góp vốn (theo hợp đồng thể chấp số 02/2019/367653/HĐBĐ ngày 18/09/2019).	72.494.000.000	Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả theo Hợp đồng cầm cố số 02/2020/367653/HĐBĐ ngày 30/06/2020.	43.059.000.000	Ông Nguyễn Đức Khả
Thế chấp toàn bộ nhà xưởng tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 10, Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2021/367653/HĐBĐ ngày 26/05/2021.	51.087.000.000	Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên
Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 5, ngách 105 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3835/2009/QĐ-08 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 10/11/2009; chủ sở hữu: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/367653/HĐBĐ.	3.812.000.000	Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương
Các máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	12.251.190.886	Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Khu vực		Khu vực		Khu vực		Cộng
Năm nay	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Các khoản loại trừ			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.981.036.974.305	113.388.094.805	628.829.543.677	-			2.723.254.612.787
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.841.041.589.987	4.791.026.048	20.765.492.392	(1.866.598.108.427)			-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.822.078.564.292	118.179.120.853	649.595.036.069	(1.866.598.108.427)			2.723.254.612.787
Chi phí bộ phận	(3.589.471.632.875)	(110.564.159.137)	(592.632.177.955)	1.866.807.684.346			(2.425.860.285.621)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	232.606.931.417	7.614.961.716	56.962.858.114	209.575.919			297.394.327.166
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(212.055.662.267)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							85.338.664.899
Doanh thu hoạt động tài chính							25.038.825.613
Chi phí tài chính							(77.496.228.258)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết							229.818.181
Thu nhập khác							4.652.757.619
Chi phí khác							(2.393.931.214)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(8.185.972.364)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							(239.756.731)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							26.944.177.745
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	6.283.868.252	75.643.097	609.000.000	-			6.968.511.349
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	19.655.925.565	445.657.248	682.460.904	(64.160.263)			20.719.883.454

CONG TY CO PHAN TAP DOAN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thảng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:				
	Khu vực		Khu vực	Các khoản loại trừ
	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.267.041.322.917	26.796.392.764	116.401.448.150	1.805.083.492.382
Tổng tài sản				<u>1.805.083.492.382</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.682.642.826.421	26.623.866.337	123.836.411.780	1.376.101.070.986
Tổng nợ phải trả				<u>1.376.101.070.986</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.017.529.833.094	30.624.847.060	83.218.188.029	1.590.991.329.373
Tổng tài sản				<u>1.590.991.329.373</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.461.995.610.850	30.489.641.231	90.971.986.874	1.189.350.082.750
Tổng nợ phải trả				<u>1.189.350.082.750</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	1.137.306.992.519	-	-	1.137.306.992.519
Phải trả người bán	182.004.186.374	-	-	182.004.186.374
Các khoản phải trả khác	16.266.845.929	-	-	16.266.845.929
Cộng	1.335.578.024.822	-	-	1.335.578.024.822
Số đầu năm				
Vay và nợ	980.284.289.358	-	-	980.284.289.358
Phải trả người bán	136.596.419.806	-	-	136.596.419.806
Các khoản phải trả khác	14.233.309.695	-	-	14.233.309.695
Cộng	1.131.114.018.859	-	-	1.131.114.018.859

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.646.409.892	46.548.089.328	71.646.409.892	46.548.089.328
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	346.625.754.419	218.663.624.959	346.625.754.419	218.663.624.959
Phải thu khách hàng	408.145.350.851	382.415.291.989	408.145.350.851	382.415.291.989
Các khoản cho vay	35.096.000.000	20.600.000.000	35.096.000.000	20.600.000.000
Các khoản phải thu khác	15.226.881.667	7.432.786.579	15.226.881.667	7.432.786.579
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	28.134.609.114	15.904.790.933	28.134.609.114	15.904.790.933
Cộng	904.875.005.943	691.564.583.788	904.875.005.943	691.564.583.788
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	1.137.306.992.519	980.284.289.358	1.137.306.992.519	980.284.289.358
Phải trả người bán	182.004.186.374	136.596.419.806	182.004.186.374	136.596.419.806
Các khoản phải trả khác	16.266.845.929	14.233.309.695	16.266.845.929	14.233.309.695
Cộng	1.335.578.024.822	1.131.114.018.859	1.335.578.024.822	1.131.114.018.859

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được điều chỉnh lại do thay đổi cổ phiếu lưu hành, cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	757	(56)	701
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	757	(56)	701

Lập ngày 26 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Trương Bình Dương

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Phụng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thang, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn		2.035.936.670	2.035.936.670		2.474.237.803	2.019.769.218
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000	86.925.000	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000	86.925.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 4	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	355.675.942	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	355.675.942
Hộ Kinh Doanh Điện Máy Thiên Đức	Trên 3 năm	235.294.153	235.294.153	Từ 2 năm đến 3 năm	470.588.306	235.294.153
Công ty TNHH Điện cơ Điện lạnh Tường Hùng	Trên 3 năm	444.688.013	444.688.013	Trên 3 năm	444.688.013	444.688.013
Công ty TNHH Tổng hợp Phú Hoàng Thanh	Trên 3 năm	39.540.493	39.540.493	Từ 2 năm đến 3 năm	79.080.985	39.540.493
Công ty Cổ phần GRB Việt Nam	Trên 3 năm	104.483.270	104.483.270	Trên 3 năm	104.483.270	104.483.270
Công ty Cổ phần Đầu tư VINAINCON	Trên 3 năm	195.550.000	195.550.000	Từ 2 năm đến 3 năm	195.550.000	195.550.000
Công ty TNHH công nghệ và thương mại Minh Dũng	Trên 3 năm	533.780.000	533.780.000	Từ 2 năm đến 3 năm	558.780.000	391.146.000
Công ty TNHH Sunviet	Trên 3 năm	39.999.799	39.999.799	Từ 2 năm đến 3 năm	39.999.799	27.999.859
ACông ty TNHH Thương mại Minh Hiền	Đã thu hồi	-	-	Trên 3 năm	78.775.390	78.775.390
Cơ sở kinh doanh Nguyễn Văn Thảo	Đã thu hồi	-	-	Trên 3 năm	59.691.098	59.691.098
Trả trước cho người bán	-	2.666.667.695	2.658.052.495	-	2.666.667.695	2.658.052.495
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	1.300.951.400	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	1.300.951.400
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Hóa Việt	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000
Công ty Cổ phần công nghệ nhiệt lạnh Bách Khoa	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900
Công ty Cổ phần Thiết Bị Tự Động Hóa Vitech	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thảng, TP. Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn thu hồi	Giá gốc	Thời gian quá hạn thu hồi	Giá gốc
Guangdong Sky bright Group Co.,ltd	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699
	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887
	Khó có khả năng thu hồi	96.799.409	Khó có khả năng thu hồi	96.799.409
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	17.230.400	Từ 6 tháng đến 1 năm	17.230.400
Zhejiang Bingfeng Compressor co.,ltd		4.702.604.365		5.140.905.498
Kelon International Inc		4.693.989.165		4.677.821.713
Công ty Cổ phần Vietpictures Auto				
Cộng				